

**PHỤ LỤC 01. BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ QUẢN TRIỆT, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 71/NQ-CP**

TT	Cấp triển khai	Văn bản triển khai Chỉ thị, Nghị quyết		Kế hoạch triển khai Chỉ thị, Nghị quyết		Hội nghị triển khai Chỉ thị, Nghị quyết			Ghi chú
		Tên văn bản (Công văn, Nghị quyết...)	Ngày ban hành	Tên Kế hoạch	Ngày ban hành	Tên hội nghị	Ngày tổ chức	Số lượng người tham dự	
<b>I</b>	<b>Tỉnh ủy</b>								
1	Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Kon Tum khóa XV	Kế hoạch số 34-KH/TU về thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12-01-2017 của Ban Bí thư Trung ương "về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng" trên địa bàn tỉnh.	05-5-2017						
<b>II</b>	<b>UBND tỉnh</b>								
1	UBND tỉnh Kon Tum	Quyết định số 459/QĐ-UBND về ban hành Chương trình hành động của UBND tỉnh triển khai thực hiện các nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh.	08-05-2018						
<b>III</b>	<b>Huyện ủy</b>								
1	Huyện ủy Đăk Glei	Kế hoạch số 88-KH/HU thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12-01-2017 của Ban Bí thư Trung ương "về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng" trên địa bàn huyện	18-10-2017						
2	Huyện ủy Ngọc Hồi	Kế hoạch số 07-KH/HU của Ban Thường vụ Huyện ủy Ngọc Hồi về việc thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12-01-2017 của Ban Bí thư Trung ương "về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý bảo vệ rừng" trên địa bàn huyện Ngọc Hồi;	19-7-2017						

I	Tỉnh ủy								
1	Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Kon Tum khóa XV	Kế hoạch số 34-KH/TU về thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12-01-2017 của Ban Bí thư Trung ương "về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng" trên địa bàn tỉnh.	05-5-2017						
3	Huyện ủy Đắk Tô	Kế hoạch số 28-KH/HU của Ban Thường vụ Huyện ủy Đắk Tô về Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12-01-2017 của Ban Bí thư Trung ương về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng	10-7-2017						
4	Huyện ủy Tu Mơ Rông	Kế hoạch số 55a-KH/HU, ngày 25-6-2017 của Ban Thường vụ Huyện ủy Tu Mơ Rông về triển khai thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW	25-05-2017						
5	Huyện ủy Đắk Hà	Chương trình số 36-CT/HU của BTV Huyện ủy về thực hiện Kế hoạch số 34-KH/TU ngày 05-5-2017 của Ban chấp hành Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12-01-2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng	13-07-2017						
6	Huyện ủy Sa Thầy	C.trình số 45-CTr/HU của BTV Huyện ủy về thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12-01-2017 của Ban Bí thư Trung ương về “Tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng” trên địa bàn huyện Sa Thầy	28-12-2017						
7	Huyện ủy Ia H'Drai	Kế hoạch số 36-KH/HU của Huyện ủy Ia H'Drai về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn huyện Ia H'Drai	09- 09-2017						
8	Huyện ủy KonPlong	KH số 77-KH/HU về thực hiện Kế hoạch số 34-KH/TU ngày 05/5/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XV	07-05-2017						

<b>I</b>	<b>Tỉnh ủy</b>								
1	Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Kon Tum khóa XV	Kế hoạch số 34-KH/TU về thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12-01-2017 của Ban Bí thư Trung ương "về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng" trên địa bàn tỉnh.	05-5-2017						
9	Huyện ủy Kon Rẫy	Kế hoạch số: 62-KH/HU của Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa XVIII, về việc thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12-01-2017	31-7-2017						
10	Thành ủy Kon Tum	Kế hoạch số 61-KH/TU của Thành ủy Kon Tum về việc thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn thành phố Kon Tum	29-03-2017						
<b>IV</b>	<b>UBND huyện</b>								
1	UBND huyện Đắk Glei	Kế hoạch số 86/KH-UBND về triển khai thực hiện Chương trình hành động của UBND tỉnh về thực hiện các nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng và phát triển rừng trên địa bàn huyện Đắk Glei.	25-06-2018						
2	UBND huyện Ngọc Hồi	Kế hoạch số 855/KH-UBND của UBND huyện về triển khai, thực hiện các nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn huyện Ngọc Hồi.	24/5/2018						
3	UBND huyện Đắk Tô	Kế hoạch số 67/KH-UBND của UBND huyện Đắk Tô về việc thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12-01-2017 của Ban Bí thư Trung ương về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.	11-09-2017						
4	UBND huyện Tu Mơ Rông	Văn bản số 144/UBND về việc tăng cường công tác bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng theo Chỉ thị số 13-CT/TW của Ban bí thư Trung ương về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng;	17-02-2017						

I	Tỉnh ủy								
1	Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Kon Tum khóa XV	Kế hoạch số 34-KH/TU về thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12-01-2017 của Ban Bí thư Trung ương "về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng" trên địa bàn tỉnh.	05-5-2017						
5	UBND huyện Đăk Hà	Kế hoạch số 02/KH-UBND của UBND huyện về thực hiện Chương trình số 58-CTr/HU của BTV Huyện ủy và Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12-01-2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng	31-07-2017	Trên nền triển khai CT số 13-CT/TW (Lồng ghép tại Sinh hoạt tư tưởng hàng tháng của huyện)					
6	UBND huyện Sa Thầy	Kế hoạch số 125/KH-UBND về thực hiện Chương trình số 45-CTr/HU ngày 28-8-2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XVI về thực hiện Chỉ thị 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng "về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng"	27-09-2017						
7	UBND huyện Ia H'Drai								
8	UBND huyện Kon Plong	Công văn số 988/UBND-KL về việc thực hiện kế hoạch số 77-KH/HU ngày 05/7/2017 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện khoá XVIII	15-08-2017						
9	UBND huyện Kon Rẫy	Kế hoạch số 92/KH-UBND về thực hiện Kế hoạch số: 62-KH/HU của Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa XVIII, về việc thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12-01-2017 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý bảo vệ rừng	16-08-2017						

I	Tỉnh ủy								
1	Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Kon Tum khóa XV	Kế hoạch số 34-KH/TU về thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12-01-2017 của Ban Bí thư Trung ương "về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng" trên địa bàn tỉnh.	05-5-2017						
10	UBND TP Kon Tum	Chương trình số 16/Ctr-UBND của UBND thành phố Kon Tum về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 61 của Thành ủy Kon Tum về thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn thành phố Kon Tum	08-09-2017						

**PHỤ LỤC 02. BIỂU TỔNG HỢP CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN VỀ BẢO VỆ RỪNG VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG  
THEO NGHỊ QUYẾT TỈNH KON TUM**

Tên đơn vị	Hội nghị		Tập huấn		Bài viết		Tuyên truyền trên truyền hình		Phóng sự		Tọa đàm		Phát thanh trên loa xã, phường		Tuyên truyền lưu động		Tuyên truyền trực tiếp	
	Số lượng hội nghị	số người tham gia hội nghị	Số lớp	Số lượng người tham gia	Số lần tổ chức thi viết	Số lượng bài viết	Số lần tuyên truyền	số lần phát sóng	Số lượng bài phóng sự truyền hình	Số lượng bài phóng sự báo chí	Số lần tọa đàm	Số lượng người tham dự	Số lượng xã, phường g phát thanh	Số lần phát thanh	Hình thức tuyên truyền lưu động	Số lần	Số lần	Số lượng người tham gia
Tỉnh đoàn																	500	20,000
UBMTTQ																	150	7,000
Bộ đội biên phòng			5	704		48										16		
Quỹ bảo vệ và phát triển rừng	254	25,474	8	493		150	45	79			4	8						
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	57	2,844					159	253	60	60								
Hội Nông dân tỉnh Kon Tum																	850	35,500
Huyện Ia H'Drai	36	1,346	5	48		27			13	24	9	323	3				225	10,409
Huyện Ngọc Hồi	690	28,357					1	1	105							37	735	29,218
Thành phố Kon Tum	145	5,525											6	32			141	5,263
Huyện Đăk Glei	161	269					7	14	2	6			25	828		4	1,529	96,466
Huyện Kon Plong	13	6,290				358	70	70					9	135		90	2,565	100,015
Huyện Đăk Hà	26	768					277	289	6	1			43	1,820		16	441	21,591
Huyện Kon Rẫy							197	460	49	63			7	3,715		154	403	21,274
huyện Sa Thầy													11	127		3	160	6,836

Tên đơn vị	Hội nghị		Tập huấn		Bài viết		Tuyên truyền trên truyền hình		Phóng sự		Tọa đàm		Phát thanh trên loa xã, phường		Tuyên truyền lưu động		Tuyên truyền trực tiếp	
	Số lượng hội nghị	số người tham gia hội nghị	Số lớp	Số lượng người tham gia	Số lần tổ chức thi viết	Số lượng bài viết	Số lần tuyên truyền	số lần phát sóng	Số lượng bài phóng sự truyền hình	Số lượng bài phóng sự báo chí	Số lần tọa đàm	Số lượng người tham dự	Số lượng xã, phường g phát thanh	Số lần phát thanh	Hình thức tuyên truyền lưu động	Số lần	Số lần	Số lượng người tham gia
Huyện Tu Mơ Rông	70	2,325															557	26,861
Huyện Đắk Tô	312	15,500		541		33	35	2			2	190	2	144		6	312	15,500
Toàn tỉnh	1,764	88,698	18	1,786		616	791	1,168	235	154	15	521	106	6,801		326	8,568	395,933

**PHỤ LỤC 03: BIỂU TỔNG HỢP CHUYỂN ĐỔI MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC TỪ 01/01/2017 - 30/12/2022 TỈNH KON TUM**

*ĐVT: ha*

TT	Tên dự án	Diện tích các dự án đề nghị chuyển mục đích sử dụng chia theo loại rừng									Diện tích rừng đã được chuyển mục đích sử dụng rừng								
		Tổng	Tổng RTN	Tổng RT	Đặc dụng		Phòng hộ		sản xuất		Tổng	Tổng RTN	Tổng RT	Đặc dụng		Phòng hộ		Sản xuất	
					RT N	RT	RT N	RT	RTN	RT				RT N	RT	RT N	RT	RTN	RT
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3 = 4+5</i>	<i>4 = 6+8+10</i>	<i>5 = 7+9+11</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12 = 13+114</i>	<i>13 = 15+17+19</i>	<i>14 = 16+18+20</i>	<i>15</i>	<i>16</i>	<i>17</i>	<i>18</i>	<i>19</i>	<i>20</i>
<b>I</b>	<b>Nhóm dự án quốc phòng, an ninh</b>	<b>9.78</b>	9.78	-					9.78		<b>9.78</b>	<b>9.78</b>	-					<b>9.78</b>	
1	Xây dựng công trình phục vụ quốc phòng (HD.1/K8 thuộc Chương trình CT299 quốc phòng	9.78	9.78	-					9.78			9.78	-					9.78	
<b>II</b>	<b>Nhóm dự án phát triển nông lâm nghiệp, an sinh xã hội</b>	<b>183.94</b>	<b>176.17</b>	<b>7.77</b>					<b>176.17</b>	<b>7.77</b>	<b>183.94</b>	<b>176.17</b>	<b>7.77</b>					<b>176.17</b>	<b>7.77</b>
1	Dự án thành phần di dân tái định canh, định cư Dự án thủy điện Thượng Kon Tum	66.16	66.16	-					66.16			66.16	-					66.16	
2	Dự án đường phục vụ thi công tuyến năng lượng (từ hầm phụ số 1 đến hầm phụ số 2) - Thủy điện Đắk Re	2.88	2.88	-					2.88			2.88	-					2.88	
3	Đường dây 220KV Thượng Kon Tum - Quảng Ngãi (đợt 2)	14.62	14.62	-					14.62			14.62	-					14.62	
5	Dự án đường dây 500KV Dốc Sỏi-Pleiku (đợt 1)	64.22	64.22	-					64.22			64.22	-					64.22	
6	Dự án đường dây 500KV Dốc Sỏi-Pleiku trên địa bàn huyện Kon Rẫy (đợt 2)	6.55	6.55	-					6.55			6.55	-					6.55	
7	Dự án Đường dây 500KV Dốc Sỏi-Pleiku 2 (Đợt 3)	2.68	2.68	-					2.68			2.68	-					2.68	
8	Dự án cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên Quốc lộ 24 đoạn qua huyện Kon Plông	23.34	15.59	7.75					15.587	7.75		15.59	7.75					15.587	7.75
9	Dự án Khu đầu giả quyền sử dụng đất đường du lịch số 2 (Quốc lộ 24 đi tỉnh lộ 676) khu phía Đông trung tâm hành chính huyện Kon Plông	3.15	3.15	-					3.15			3.15	-					3.15	
10	Dự án Trạm cắt 220kV Bờ Y và các đường dây 220 kV đầu nối cụm Nhà máy thủy điện Nam Kong 1,2,3 (Lào) vào hệ thống điện Việt Nam (đợt 1)	0.34	0.32	0.02					0.32	0.02		0.32	0.02					0.32	0.02
<b>III</b>	<b>Nhóm dự án khai thác khoáng sản</b>	-	-	-								-	-						
<b>IV</b>	<b>Nhóm dự án Thủy điện</b>	<b>127.68</b>	<b>4.14</b>	<b>123.54</b>					<b>4.14</b>	<b>123.54</b>	<b>127.680</b>	<b>4.14</b>	<b>123.54</b>					<b>4.14</b>	<b>123.54</b>
1	Nhà máy thủy điện Đắk Re, hạng mục kênh thông hồ (đợt 3)	4.14	4.14	-					4.14		4.140	4.14	-					4.14	
2	Dự án nhà máy thủy điện Ialy mở rộng (phần rừng	0.52	-	0.52					0.52	0.520	0.520	-	0.52						0.52
3	Dự án nhà máy thủy điện Ialy mở rộng (phần rừng tự nhiên)	-	-	-								-	-						
4	Trồng cây Mắc Ca của Công ty Đăng Vinh	123.02	-	123.02					123.020	123.020	123.020	-	123.02						123.02
<b>V</b>	<b>Nhóm dự án khác (phát triển kinh tế, xã hội)</b>	<b>4.13</b>	-	<b>4.13</b>						<b>4.130</b>	<b>4.130</b>	-	<b>4.13</b>						<b>4.13</b>
1	Cụm công trình thủy lợi IaH'Drai	11.18	11.18	-					11.18		11.180	11.18	-					11.18	
2	Cụm công trình thủy lợi IaH'Drai (đợt 2)	0.74	0.74	-					0.738		0.738	0.74	-					0.738	
3	Dự án nuôi trồng, sản xuất dược liệu và rau hoa xứ	4.13	-	4.13						4.13	4.130	-	4.13						4.13
	<b>Tổng</b>	<b>325.527</b>	<b>190.09</b>	<b>135.44</b>	-	-	-	-	<b>190.09</b>	<b>135.44</b>	<b>325.527</b>	<b>190.09</b>	135.44	-	-	-	-	<b>190.09</b>	<b>135.44</b>

Ghi chú:  
RDD: Rừng đặc dụng  
RPH: Rừng phòng hộ

RSX: Rừng sản xuất  
RTN: Rừng tự nhiên  
RT: Rừng trồng

**PHỤ LỤC 04: BIỂU TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN CÓ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG TRỒNG CAO SU TỈNH KON TUM TỪ 01/01/2017 - 30/12/2022 TỈNH KON TUM**

TT	Tên dự án	Diện tích các dự án có đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang trồng cao su									Diện tích đã được chuyển mục đích sử dụng rừng sang trồng cao su									Ghi chú
		Tổng	Tổng RTN	Tổng RT	Đặc dụng		Phòng hộ		sản xuất		Tổng	Tổng RTN	Tổng RT	Đặc dụng		Phòng hộ		Sản xuất		
					RTN	RT	RTN	RT	RTN	RT				RTN	RT	RTN	RT			
1	2	3 = 4+5	4 = 6+8+10	5= 7+9+11	6	7	8	9	10	11	12 = 13+114	13 = 15+17+19	14 = 16+18+20	15	16	17	18	19	20	21
1	Dự án ...																			
2	Dự án ...																			
3	.....																			
	Toàn tỉnh																			

**Ghi chú:**

RDD: Rừng đặc dụng

RPH: Rừng phòng hộ

RSX: Rừng sản xuất

RTN: Rừng tự nhiên

RT: Rừng trồng

**PHỤ LỤC 05: BIỂU TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN ĐÌNH CHỈ, THU HỒI DO SAI PHẠM VỀ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG VÀ ĐẤT LÂM NGHIỆP  
TỪ 01/01/2017 - 30/12/2022 TỈNH KON TUM**

TT	Tên dự án	Tên công ty, đơn vị quản lý	Diện tích rừng và đất lâm nghiệp của dự án bị đình chỉ					Lý do bị đình chỉ dự án	Diện tích rừng và đất lâm nghiệp của dự án bị thu hồi					Lý do bị thu hồi dự án
			Tổng diện tích	RTN	RT	Đất chưa có rừng	Chưa xác định		Tổng diện tích	RTN	RT	Đất chưa có rừng	Chưa xác định	
1	Dự án khu Biệt thự du lịch sinh thái Măng Đen	Công ty cổ phần Măng Đen							18.89	16.93	1.97			Vi phạm quy định tại điểm i khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai năm 2013

**Ghi chú:**

RTN: Rừng tự nhiên

RT: Rừng trồng

**PHỤ LỤC 06: BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VI PHẠM, THIẾU TRÁCH NHIỆM TRONG CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT, CẤP PHÉP ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN CÓ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG VÀ ĐẤT LÂM NGHIỆP TỪ 01/01/2017 - 30/12/2022 TỈNH KON TUM**

[illegible]

PHỤ LỤC 07: TỔNG DIỆN TÍCH GIAO RỪNG, CHO THUÊ RỪNG TỈNH KON TUM

TT	Loại rừng	Diện tích giao theo chủ rừng (ha)										Diện tích cho thuê rừng (ha)						Ghi chú
		Tổng diện tích	BQL rừng đặc dụng	BQL rừng phòng hộ	Tổ chức kinh tế	Đơn vị thuộc lực lượng vũ trang	Tổ chức KHCN, đào tạo	Hộ gia đình	Cá nhân	Cộng đồng dân cư	Đối tượng khác	Tổng diện tích	Tổ chức kinh tế	Hộ gia đình	Cá nhân	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Đối tượng khác	
I	Giao rừng, cho thuê rừng năm 2017	1,574.37								1,574.37		111.11	111.11					
1	<i>Rừng đặc dụng</i>																	
-	Rừng tự nhiên																	
-	Rừng trồng																	
-	Đất chưa có rừng																	
2	<i>Rừng phòng hộ</i>																	
-	Rừng tự nhiên																	
-	Rừng trồng																	
-	Đất chưa có rừng																	
3	<i>Rừng sản xuất</i>	1,574.37								1,574.37		111.11	111.11					
-	Rừng tự nhiên	1,476.90								1,476.90		101.25	101.25					
-	Rừng trồng	25.41								25.41		1.42	1.42					
-	Đất chưa có rừng	72.06								72.06		8.44	8.44					
II	Giao rừng, cho thuê rừng năm 2018	2,028.85								2,028.85		7,337.66	7,337.66					
1	<i>Rừng đặc dụng</i>																	
-	Rừng tự nhiên																	
-	Rừng trồng																	
-	Đất chưa có rừng																	
2	<i>Rừng phòng hộ</i>											5,767.38	5,767.38					
-	Rừng tự nhiên											5,642.13	5,642.13					
-	Rừng trồng											2.6	2.60					
-	Đất chưa có rừng											102.86	102.86					
-	Khác											19.79	19.79					
3	<i>Rừng sản xuất</i>	2,028.85								2,028.85		1,570.28	1,570.28					
-	Rừng tự nhiên	1,846.12								1,846.12		1336.58	1,336.58					
-	Rừng trồng											13.34	13.34					
-	Đất chưa có rừng	182.73								182.73		131.85	131.85					
-	Khác											88.51	88.51					
III	Giao rừng, cho thuê rừng năm 2019	2,213.08						17.47		2,195.61		12.52	12.52					
1	<i>Rừng đặc dụng</i>																	
-	Rừng tự nhiên																	
-	Rừng trồng																	
-	Đất chưa có rừng																	
2	<i>Rừng phòng hộ</i>	133.59								133.59								

[illegible]

TT	Loại rừng	Diện tích giao theo chủ rừng (ha)										Diện tích cho thuê rừng (ha)						Ghi chú
		Tổng diện tích	BQL rừng đặc dụng	BQL rừng phòng hộ	Tổ chức kinh tế	Đơn vị thuộc lực lượng vũ trang	Tổ chức KHCN, đào tạo	Hộ gia đình	Cá nhân	Cộng đồng dân cư	Đối tượng khác	Tổng diện tích	Tổ chức kinh tế	Hộ gia đình	Cá nhân	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Đối tượng khác	
-	Đất chưa có rừng																	
2	<b>Rừng phòng hộ</b>	<b>18.6</b>								<b>18.6</b>								
-	Rừng tự nhiên	18.6								18.6								
-	Rừng trồng																	
-	Đất chưa có rừng																	
3	<b>Rừng sản xuất</b>	<b>4,015.88</b>								<b>4,015.88</b>								
-	Rừng tự nhiên	3,910.13								3,910.13								
-	Rừng trồng																	
-	Đất chưa có rừng	105.75								105.75								
	<b>Tổng</b>	<b>15,164.22</b>						<b>17.47</b>		<b>15,146.75</b>		<b>7,520.24</b>	<b>7,520.24</b>					

**PHỤ LỤC 08: BIỂU TỔNG HỢP SẮP XẾP CÔNG TY LÂM NGHIỆP THEO NGHỊ ĐỊNH 118/2014/NĐ-CP TỈNH KON TUM**

TT	Tên công ty trước khi sắp xếp	Tên công ty sau khi sắp xếp	Diện tích rừng và đất lâm nghiệp công ty quản lý trước khi sắp xếp (ha)					Diện tích rừng và đất lâm nghiệp công ty quản lý sau khi sắp xếp theo Nghị định 118 (ha)					Ghi chú
			Tổng	Rừng đặc dụng	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	Đất khác	Tổng	Rừng đặc dụng	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	Đất khác	
1	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Glei	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp	31,776.16		874.09	30,734.17	167.90	22,059.90		296.10	21,761.70	2.10	
2	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi	20,751.32		375.87	19,923.87	451.58	22,770.66		6,721.23	16,019.13	30.30	Năm 2019 chuyển giao lâm phần rừng phòng hộ của BQL RPH Đắk Ang về Công ty quản lý
3	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Tô	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp	41,065.67		9,270.23	28,953.86	2,841.58	29,877.15		4,268.87	22,874.70	2,733.58	
4	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Hà	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia H'Drai	9,131.70		741.08	8,007.09	383.53	30,353.34			30,322.36	30.98	
5	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sa Thầy	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp	54,581.22		7,386.06	45,947.28	1,247.88	20,333.50		7,438.31	12,895.19	0.00	
6	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Rẫy	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp	32,947.96		2,996.24	29,938.99	12.73	29,237.37		2,812.41	26,420.64	4.32	
7	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông	64,080.71		6,677.02	52,712.00	4,691.69	55,164.93		6,499.77	48,663.24	1.92	
<b>Tổng cộng</b>			<b>254,334.74</b>		<b>28,320.59</b>	<b>216,217.26</b>	<b>9,796.89</b>	<b>209,796.85</b>		<b>28,036.69</b>	<b>#####</b>	<b>2,803.20</b>	

**PHỤ LỤC 09: BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU ĐỂ XẢY RA PHÁ RỪNG, CHÁY RỪNG, MẤT RỪNG THUỘC LĨNH VỰC, ĐỊA BÀN QUẢN LÝ TỪ 01/01/2017 - 30/12/2022 TỈNH KON TUM**

TT	Chức vụ	Đơn vị công tác	Hình thức xử lý								Lý do bị xử lý
			Bị xử lý kỷ luật				Bị xử phạt hành chính		Xử lý hình sự		
			Khiển trách	Cảnh cáo	Hạ bậc lương	Cách chức	Số tiền bị phạt	Số tiền phải bồi thường	Bị khởi tố	Đã bị kết án	
A	Bộ Chỉ huy BDBP tỉnh Kon Tum		2			2					
1	Chính trị viên	Đồn BP Ia Dom (709)	1								Chấp hành chưa nghiêm CT, NQ, KH của cấp trên để xảy ra hoạt động khai thác lâm sản trái phép trên địa bàn quản lý nhưng không phát hiện được
2	Đồn trưởng	Đồn BP Ia Dom (709)	1								Quản lý địa bàn chưa chặt chẽ để xảy ra hoạt động khai thác lâm sản trái phép trên địa bàn quản lý nhưng không phát hiện
3	Chính trị viên	Đồn BP Mo Rai (707)				1					Buồng lỏng lãnh đạo, chỉ đạo, KTGS, công tác tuần tra, kiểm soát KVBG, PCTP, khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép trên địa bàn
4	Đồn trưởng	Đồn BP Mo Rai (707)				1					Buồng lỏng lãnh đạo, chỉ đạo, KTGS, công tác tuần tra, kiểm soát KVBG, PCTP, khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép trên địa bàn
B	Các đơn vị trực thuộc Sở NN và PTNT		2	1		1					
I	Năm 2017										
1	Giám đốc	Ban quản lý rừng đặc dụng Đắk Uy				1					Để xảy ra tình trạng khai thác trái phép các góc, cây Trắc với số lượng lớn diễn ra trong thời gian dài mà không phát hiện, ngăn chặn, xử lý vi phạm kịp thời, không báo cáo đầy đủ số vụ vi phạm với cấp
II	Năm 2021		1								

TT	Chức vụ	Đơn vị công tác	Hình thức xử lý								Lý do bị xử lý
			Bị xử lý kỷ luật				Bị xử phạt hành chính		Xử lý hình sự		
			Khiển trách	Cảnh cáo	Hạ bậc lương	Cách chức	Số tiền bị phạt	Số tiền phải bồi thường	Bị khởi tố	Đã bị kết án	
1	Trưởng ban	Ban quản lý rừng phòng hộ Tu Mơ Rông	1								Là người đứng đầu đơn vị để xảy ra hành vi vi phạm Luật lâm nghiệp nghiêm trọng trên lâm phần được giao quản lý mà chưa có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời (để xảy 04 vụ vi phạm về hành vi phá rừng trái pháp luật với tổng diện tích vi
III	Năm 2022		1	1							
2	Trưởng ban	Ban quản lý rừng phòng hộ Đắk Glei		1							Thiếu trách nhiệm trong thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao, trong thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ; để xảy ra một số vụ khai thác gỗ trái pháp luật trên lâm phần được giao phụ trách
3	Hạt trưởng	Hạt Kiểm lâm huyện Sa Thầy	1								Với trách nhiệm là thủ trưởng đơn vị nhưng thiếu kiểm tra, giám sát cơ sở, không kịp thời nắm bắt thông tin về tình hình quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn để tham mưu, đề xuất giải pháp tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn
C	Các công ty Lâm nghiệp và BQL VQG Chư Mom Ray		13	2		2					
I	Năm 2017		1	1							
1	Giám đốc	BQL Vườn quốc gia Chư Mom Ray		1							Với vai trò là người đứng đầu quản lý, điều hành nhưng để xảy ra mất rừngvới khối lượng lớn trong thời gian ngắn.

TT	Chức vụ	Đơn vị công tác	Hình thức xử lý								Lý do bị xử lý
			Bị xử lý kỷ luật				Bị xử phạt hành chính		Xử lý hình sự		
			Khiển trách	Cảnh cáo	Hạ bậc lương	Cách chức	Số tiền bị phạt	Số tiền phải bồi thường	Bị khởi tố	Đã bị kết án	
2	Giám đốc Lâm trường Măng La	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Kon Plông	1								Vi phạm kỷ luật trong công tác chỉ đạo, điều hành, kiểm tra giám sát công tác QLBR
II	Năm 2018		5			1					
1	Giám đốc	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Tô	1								Với vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị quản lý để xảy ra việc khai thác gỗ trái phép; không báo cáo cơ quan chức năng số gỗ kéo gom thừa với số lượng không có giấy tờ chứng minh, đã tự ý, không xin ý kiến cấp có thẩm quyền
2	Giám đốc	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia H'Drai	1								Để xảy ra các vụ việc vi phạm trong Luật Lâm nghiệp
3	Giám đốc lâm trường	Công ty LN Sa Thầy				1					Để xảy ra Vụ khai thác rừng trái pháp luật xảy ra tại tiểu khu 697 lâm phần Công ty lâm nghiệp Sa Thầy
4	Giám đốc Lâm trường Măng Cành I	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Kon Plông	1								Vi phạm kỷ luật trong công tác chỉ đạo, điều hành, kiểm tra giám sát công tác QLBR
5	Giám đốc Lâm trường Măng Cành II	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Kon	1								Vi phạm kỷ luật trong công tác chỉ đạo, điều hành, kiểm tra giám sát công tác QLBR
6	Giám đốc Lâm trường Măng La	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Kon	1								Vi phạm kỷ luật trong công tác chỉ đạo, điều hành, kiểm tra giám sát công tác QLBR
III	Năm 2019		1			1					
1	Giám đốc Lâm trường Mo Rai	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Sa Thầy	1								Để xảy ra khai thác rừng trái pháp luật xảy ra tại tiểu khu 697, 699 lâm phần Công ty lâm nghiệp Sa Thầy

TT	Chức vụ	Đơn vị công tác	Hình thức xử lý								Lý do bị xử lý
			Bị xử lý kỷ luật				Bị xử phạt hành chính		Xử lý hình sự		
			Khiển trách	Cảnh cáo	Hạ bậc lương	Cách chức	Số tiền bị phạt	Số tiền phải bồi thường	Bị khởi tố	Đã bị kết án	
2	Giám đốc Lâm trường Đắk Ruồng	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Kon Rẫy				1					Để xảy ra 01 vụ khai thác, khối lượng 2,246 m3; 07 vụ tàng trữ, khối lượng 30,137 m3
III	Năm 2020		3	1		0					
1	Giám đốc	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon	1								Với vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị quản lý để xảy ra việc khai thác gỗ trái phép trên địa bàn.
2	Giám đốc	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Rẫy	1								Với vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị quản lý để xảy ra việc khai thác gỗ trái phép trên địa bàn.
3	Giám đốc Chi nhánh Lâm trường Măng Cành 2	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Kon	1								Để xảy ra vụ việc để cháy 11,88 ha rừng thông tại khoảnh 15, tiểu khu 412, xã Đắk Tăng, huyện Kon Plông
4	Giám đốc Lâm trường Đắk Ruồng	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Kon Rẫy		1							Để xảy ra phá rừng (VTV1 phản ánh)
IV	Năm 2022		3								
1	Giám đốc Lâm trường Sê San	Công ty LN Ia H'Drai	1								Thiếu kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ QLБVR trên địa bàn xã, để xảy ra việc khai thác gỗ trái phép; quản lý cán bộ, đảng viên, công chức dưới quyền chưa nghiêm, để xảy ra việc Trưởng công an xã khai thác gỗ trái phép
2	Giám đốc Lâm trường Măng Cành 1	Công ty TNHH MTV LN Kon Plông	1								Để xảy ra vụ vi phạm tại tiểu khu 487, xã Măng Cành, huyện Kon plông
3	Giám đốc Lâm trường Mo Rai Sa Thầy	Công ty TNHH MTV LN Sa	1								Để xảy ra Vụ vi phạm tại tiểu khu 692 xã Mo Rai huyện Sa Thầy
D	UBND, đảng ủy các xã		5								
I	Năm 2017		1								

TT	Chức vụ	Đơn vị công tác	Hình thức xử lý								Lý do bị xử lý
			Bị xử lý kỷ luật				Bị xử phạt hành chính		Xử lý hình sự		
			Khiển trách	Cảnh cáo	Hạ bậc lương	Cách chức	Số tiền bị phạt	Số tiền phải bồi thường	Bị khởi tố	Đã bị kết án	
1	Chủ tịch UBND xã	UBND xã Đăk Ui huyện Đăk Hà	1								Thiếu kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ QLБVR trên địa bàn xã, để xảy ra việc khai thác gỗ trái phép; quản lý cán bộ, đảng viên, công chức dưới quyền chưa nghiêm, để xảy ra việc Trưởng công an xã khai thác gỗ trái phép
II	Năm 2018		2								
1	Chủ tịch UBND xã	UBND xã Đăk Hring huyện Đăk Hà	1								Thiếu tinh thần trách nhiệm trong công tác QLБVR nên để xảy ra khai thác gỗ trái phép trên địa bàn xã
2	Chủ tịch UBND xã	UBND xã Đăk Pxi huyện Đăk Hà	1								Thiếu tinh thần trách nhiệm trong công tác QLБVR nên để xảy ra khai thác gỗ trái phép trên địa bàn xã
III	Năm 2020		1								
1	Bí thư đảng ủy xã Đăk Rìng	Đảng ủy xã Đăk Rìng, huyện Kon Plông	1								Thiếu trách nhiệm dẫn đến thực thi nhiệm vụ, công vụ không đúng quy trình, thủ tục; bao che, tiếp tay cho các hoạt động vi phạm pháp luật
IV	Năm 2022		1								
1	Chủ tịch UBND thị trấn	UBND thị trấn Măng Đen, huyện Kon	1								Để xảy ra vụ vi phạm tại tiểu khu 486 huyện Kon Plông
Tổng cộng: 30 người			22	3		5					



TT	Đơn vị công tác	Số lượng	Hình thức xử lý								Lý do bị xử lý
			Bị xử lý kỷ luật				Bị xử phạt hành chính		Xử lý hình sự		
			Khiển trách	Cảnh cáo	Hạ bậc lương	Cách chức	Số tiền bị phạt	Số tiền phải bồi thường	Bị khởi tố	Đã bị kết án	
1	Đội KLCĐ và PCCCR số 3 - CCKL	1	1								Đề xảy ra vụ việc khai thác trái phép 02 cây gỗ trắc -thuộc lâm phần Ban quản lý rừng đặc dụng Đak Uy thuộc phạm vi trách nhiệm của Tổ công tác 147
2	Đội KLCĐ và PCCCR số 1 - CCKL	1	1								Đề xảy ra vụ việc khai thác trái phép 02 cây gỗ trắc -thuộc lâm phần Ban quản lý rừng đặc dụng Đak Uy thuộc phạm vi trách nhiệm của Tổ công tác 147
3	HKL thành phố Kon Tum - CCKL	1	1								Đề xảy ra vụ việc khai thác trái phép 02 cây gỗ trắc -thuộc lâm phần Ban quản lý rừng đặc dụng Đak Uy thuộc phạm vi trách nhiệm của Tổ công tác 147
4	HKL huyện Tu Mơ Rông - CCKL	1	1								Do đề xảy ra vụ việc khai thác trái phép 02 cây gỗ trắc -thuộc lâm phần Ban quản lý rừng đặc dụng Đak Uy thuộc phạm vi trách nhiệm của Tổ công tác
5	HKL huyện Đăk Glei - CCKL	1	1								Do đề xảy ra vụ việc khai thác trái phép 02 cây gỗ trắc -thuộc lâm phần Ban quản lý rừng đặc dụng Đak Uy thuộc phạm vi trách nhiệm của Tổ công tác
6	HKL huyện Đăk Hà - CCKL	3	3								Chưa phát hiện kịp thời, đề xảy ra tình trạng khai thác rừng trái phép trên địa bàn xã được phân công phụ trách
7	HKL huyện Ia H'Drai - CCKL	5	5								Đề xảy ra tình trạng khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép trên địa bàn xã Ia Toi, Ia Dom huyện Ia H'Drai nhưng chưa phát hiện, ngăn chặn kịp thời
8	BQL RĐĐ Đăk Uy	2	2								Đề xảy ra 02 vụ vi phạm ngày 14/5/2017 và 30/10/2017 mất 01 cây Trắc
III	Năm 2019	2	1	0	0	0	0	0	1		
1	Ban quản lý RĐĐ Đăk Uy	1							1	9 tháng tù	Bị phạt tù mà không được hưởng án treo theo Bản án hình sự phúc thẩm số: 15/2019/HS-PT ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.
2	Ban quản lý RPH Đăk Glei	1	1								Do chưa thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ của Tổ trực tại chốt liên ngành trong vụ vận chuyển lâm sản ngoài gỗ ( nhựa thông) trái quy định của pháp luật trên địa bàn xã ĐăkPlô ngày 14/01/2019
IV	Năm 2020	7	5	1	0	0	0	0	1		

TT	Đơn vị công tác	Số lượng	Hình thức xử lý								Lý do bị xử lý
			Bị xử lý kỷ luật				Bị xử phạt hành chính		Xử lý hình sự		
			Khiển trách	Cảnh cáo	Hạ bậc lương	Cách chức	Số tiền bị phạt	Số tiền phải bồi thường	Bị khởi tố	Đã bị kết án	
1	HKL huyện Ngọc Hồi - CCKL	2		1					1	phạt tù	- (1) trường hợp cảnh cáo do đề xảy ra tình trạng khai thác rừng trái pháp luật tại lô 3, khoảnh 6, tiểu khu 168, xã Đăk Xú, huyện Ngọc Hồi nhưng không phát hiện kịp thời - (2) Trương hợp buộc thôi việc do vi phạm pháp luật bị phạt tù theo Bản án số 159/2020/HS-PT ngày 15/6/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng
2	HKL huyện Kon Plông - CCKL	3	3								- 02 trường hợp do chưa phát hiện và có biện pháp ngăn chặn kịp thời để xảy ra tình trạng khai thác rừng trái phép tại tiểu khu 390, 391 xã Măng Bút, huyện Kon Plong - 01 trường hợp do đề xảy ra khai thác gỗ trái phép ngoại phạm vi dự án đường dây 500kv dốc sỏi - Pkei Ku 2 đoạn qua xã Hiếu, Kon Plông
3	HKL huyện Kon Rẫy - CCKL	2	2								Vi phạm nghĩa vụ công chức trong thi hành công vụ (Đề xảy ra tình trạng khai thác, vận chuyển lâm sản trái pháp luật trên địa bàn xã Đăk Kôi, huyện Kon Rẫy nhưng chưa phát hiện, ngăn chặn kịp
V	Năm 2021	12	11	1	0	0					
1	BQL RPH Đăk Glei	2	2								Không phát hiện và ngăn chặn để xảy ra khai thác rừng trái pháp luật tại tiểu khu 119 địa bàn xã Đăk Long thuộc ban QL RPH Đăk Glei quản lý
2	BQL RPH Tu Mơ Rông	9	8	1							Đề xảy 04 vụ vi phạm về hành vi phá rừng trái pháp luật với tổng diện tích vi phạm là 183.679 m2
3	HKL huyện Tu Mơ Rông - CCKL	1	1								Do đề xảy 04 vụ vi phạm về hành vi phá rừng trái pháp luật với tổng diện tích vi phạm là 183.679 m2
VI	Năm 2022	10	8	1					1		
1	HKL huyệnKon Plông - CCKL	1	1								Đề xảy ra tình trạng khai thác rừng trái pháp luật trên địa bàn được phân công phụ trách (tiểu khu 486, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông) mà chưa phát thiện, báo
2	HKL huyện Ia H'Drai - CCKL	2	2								Chưa nắm bắt thông tin, không phát hiện kịp thời vụ khai thác rừng trái pháp luật tại tiểu khu 708, 709 thuộc lâm phần Công Ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia H'Drai quản
3	HKL huyện Sa Thầy	3	3								Đề xảy ra tình trạng khai thác rừng trái pháp luật trên địa bàn được phân công phụ trách (tiểu khu 692, xã Mô Rai, huyện Sa Thầy) mà không phát hiện, ngăn chặn kịp thời

TT	Đơn vị công tác	Số lượng	Hình thức xử lý								Lý do bị xử lý
			Bị xử lý kỷ luật				Bị xử phạt hành chính		Xử lý hình sự		
			Khiển trách	Cảnh cáo	Hạ bậc lương	Cách chức	Số tiền bị phạt	Số tiền phải bồi thường	Bị khởi tố	Đã bị kết án	
4	BQL RPH Đăk Glei	4	2	1					1	phạt tù	Thiếu trách nhiệm trong tham mưu thực hiện nhiệm vụ, để xảy ra một số vụ khai thác gỗ trái pháp luật trên lâm phần được giao phụ trách
C	Các công ty Lâm nghiệp và Vườn quốc gia Chư Mom	136	74	42	8	8	0	0	4		
1	VQG Chư Mom Ray	22	4	16					2	phạt tù	Thiếu tinh thần trách nhiệm; để xảy ra vi phạm trên lâm phần quản lý
2	Công ty Lâm nghiệp Sa Thầy	9	7	1		1					Để xảy ra vi phạm khai thác rừng trái pháp luật tại TK 696, 697, 699
3	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia H'Drai	35	12	15	1	5			2	phạt tù	Để xảy ra các vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp
5	Công ty LN Ngọc Hồi	6	5	1							Để xảy ra các vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp
6	Công ty Lâm nghiệp Kon Plông	38	29	2	7						Ý thức tổ chức kỷ luật chưa tốt; để xảy ra các vụ vi phạm trên lâm phần quản lý
7	Công ty LN Đak Tô	10	10								Để xảy ra việc khai thác, vận chuyển gỗ trái phép trên địa bàn, chưa tham mưu, báo cáo kịp thời cho lãnh đạo Công ty để Ban lãnh đạo có đề xuất báo cáo các cấp xử lý theo quy định
8	Công ty LN Kon Rẫy	16	7	7		2					Để xảy ra vi phạm Luật lâm nghiệp trên lâm phần quản lý
D	UBND các xã	5	4	0	0	0	0	0	1		
1	UBND xã Đăk Ui, huyện Đăk Hà	1							1	9 tháng tù	Tội "vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng" theo Điều 175 Bộ luật Hình sự
2	UBND xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà	1	1								Thiếu tinh thần trách nhiệm trong công tác QLБVR nên để xảy ra khai thác gỗ trái phép trên địa bàn xã
3	UBND xã ĐăkPxi, huyện Đăk Hà	1	1								Thiếu tinh thần trách nhiệm trong công tác QLБVR nên để xảy ra khai thác gỗ trái phép trên địa bàn xã
4	UBND thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông	2	2								Để xảy ra vụ vi phạm tại tiểu khu 486 huyện Kon Plông
	Tổng	204	129	49	8	10	0	0	8		

## PHỤ LỤC 11: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN RỪNG TỈNH KON TUM

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Trong đó					
			2017	2018	2019	2020	2021	2022
<b>I</b>	<b>Phát triển rừng</b>							
1	Trồng rừng tập trung (1.000 ha)	11.69	0.11	0.14	0.46	0.72	4.82	5.43
a	Rừng phòng hộ, đặc dụng	0.50		0.05	0.03	0.19	0.14	0.11
b	Rừng sản xuất	11.18	0.11	0.09	0.44	0.53	4.69	5.32
	Trong đó: rừng thâm canh gỗ lớn	11.18	0.11	0.09	0.44	0.53	4.69	5.32
2	Khoanh nuôi tái sinh (1.000 ha/năm)	1.17	0.30	0.35	0.35	0.37	0.37	1.17
3	Trồng cây phân tán (tr. cây)	2.52	0.04	0.05	0.07	0.06	0.70	1.59
4	Chuyển hóa rừng kinh doanh gỗ lớn (1.000 ha)	8.60	8.60	8.60	8.60	8.60	8.60	8.60
5	Tỷ lệ diện tích rừng trồng được kiểm soát chất lượng giống (%)	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
6	Năng suất rừng trồng bình quân (m <sup>3</sup> /ha/năm)	12.00	12.00	12.00	12.00	12.00	12.00	12.00
<b>II</b>	<b>Khai thác gỗ</b>							
	Khai thác gỗ rừng trồng tập trung (m3)	191,861.23	19,194.83	42,024.04	17,866.88	14,417.94	25,843.13	72,514.41
<b>III</b>	<b>Thu dịch vụ môi trường rừng (tỷ đồng)</b>	<b>1,654.05</b>	<b>168.54</b>	<b>273.57</b>	<b>271.50</b>	<b>218.06</b>	<b>328.08</b>	<b>394.30</b>
	TW điều phối	1,296.88	146.40	234.00	222.49	178.68	247.16	268.15
	Tính thu	357.18	22.14	39.57	49.02	39.38	80.92	126.15

PHỤ LỤC 12: KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRỒNG RỪNG THAY THẾ TỈNH KON TUM

TT	Tên chương trình dự án		Diện tích phải trồng rừng thay thế (ha)	Năm Quyết định thu tiền của UBND tỉnh	Tổng cộng	Kết quả thực hiện												Ghi chú
						Năm						Chia ra theo hình thức thực hiện						
						2017	2018	2019	2020	2021	2022	Chủ dự án trồng (ha)	Bố trí từ nguồn NSNN (ha)	Nộp tiền trồng rừng thay thế				
	Diện tích đã trồng (ha)	Số tiền ( triệu đồng)																
Dự án		Đơn vị	Số tiền phải nộp	Đã nộp chia ra theo hình thức thực hiện	Đã giải ngân													
I	Nhóm dự án quốc phòng an ninh																	
II	Nhóm dự án công trình công cộng an sinh xã hội		42.92		2,618.46	-	529.39	2,089.07	-	-	-	-	-	-	2,618.46	2,618.46	-	-
1	Cụm công trình thủy lợi Ia H'drai	BQL đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum	12.10	2017	529.39		529.39								529.39	529.39		
2	Cụm công trình thủy lợi Ia H'drai (lần 2)		1.48	2019	102.87			102.87							102.87	102.87		
3	Dự án quốc phòng	Bộ Tư lệnh công binh	29.34		1,986.20			1,986.20							1,986.20	1,986.20		
III	Nhóm dự án phát triển Nông lâm nghiệp																	
IV	Nhóm dự án khai thác khoáng sản		2.60	-	176.01	-	-	-	-	-	176.01	-	-	-	176.01	176.01	-	-
7	Dự án khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường	Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Thương mại Tiến Dung Kon Tum	2.60	2022	176.01						176.01				176.01	176.01		
V	Nhóm dự án đầu tư công nghiệp du lịch thương mại																	
VI	Nhóm dự án thủy điện		249.68	-	18,119.34	-	-	14,890.24	456.95	35.20	2,736.95	-	-	-	18,119.34	18,119.34	-	-
1	Đường dây 220kV Thượng Kon Tum - Quảng Ngãi (lần 2)	BQL dự án các công trình điện Miền Trung	29.24	2019	1,979.43			1,979.43							1,979.43	1,979.43		
2	Dự án đường dây 500kV Dốc Sỏi - Pleiku 2 trên địa phận tỉnh Kon Tum		178.46	2019	12,081.03			12,081.03							12,081.03	12,081.03		
3	Nhà máy Thủy điện Đắk Re, hạng mục Kênh thông hồ (lần 2)	Công ty cổ phần thủy điện Thiên	8.28	2019	560.35			560.35							560.35	560.35		
4	Thủy điện Đắk Lô 2 (lần 2)	Công ty TNHH GKC	3.98	2019	269.43			269.43							269.43	269.43		
5	Dự án đường dây 500kV Dốc Sỏi - Pleiku 2 (đợt 2)	BQL dự án các công trình điện	6.75	2020	456.95				456.95						456.95	456.95		
6	Dự án nhà máy thủy điện Ialy mơ rông	Ban quản lý Dự án Điện 2	0.52	2021	35.20					35.20					35.20	35.20		
7	Dự án nhà máy thủy điện Ialy mơ rông		4.32	2022	292.45						292.45				292.45	292.45		
8	Dự án Trạm cắt 220kV Bờ Y và các đường dây 220kV đầu nối cụm Nhà máy thủy điện Nam Kong 1, 2, 3 (Lào) vào hệ thống điện Việt Nam		0.76	2022	51.45						51.45				51.45	51.45		

TT	Tên chương trình dự án		Diện tích phải trồng rừng thay thế (ha)	Năm Quyết định thu tiền của UBND tỉnh	Tổng cộng	Kết quả thực hiện													Ghi chú
						Năm						Chia ra theo hình thức thực hiện							
						2017	2018	2019	2020	2021	2022	Chủ dự án trồng (ha)	Bố trí từ nguồn NSNN (ha)	Nộp tiền trồng rừng thay thế					
	Diện tích đã trồng (ha)	Số tiền ( triệu đồng)																	
Dự án		Đơn vị	Số tiền phải nộp	Đã nộp chia ra theo hình thức thực hiện	Đã giải ngân														
9	Dự án thủy điện Đắk Lô 1 và thủy điện Đắk Lô 3 (lần 2)	Công ty TNHH thủy điện Đắk Lô	17.37	2022	2,393.05						2,393.05				2,393.05	2,393.05			
VII	Nhóm dự án khác		71.12	-	4,814.34	-	-	-	1,334.76	1,829.82	1,649.75	-	-	-	4,814.34	4,814.34	-	-	
1	Dự án nuôi trồng, sản xuất dược liệu và rau hoa xứ lạnh	Công ty cổ phần Tân Hưng	4.13	2020	279.58				279.58						279.58	279.58			
2	Dự án thành phần 2 (đoạn qua tỉnh Kon Tum) dự án cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên Quốc lộ 24 đoạn qua huyện Kon Plông	UBND huyện Kon Plong	15.59	2020	1,055.18				1,055.18						1,055.18	1,055.18			
3	Đầu tư xây dựng Cấp điện cho Đồn Biên phòng Rơ Long (671) huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum (lần 2)	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	23.78	2021	1,609.81						1,609.81				1,609.81	1,609.81			
4	Dự án thành phần 2 (đoạn qua tỉnh Kon Tum) dự án cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên Quốc lộ 24 đoạn qua huyện Kon Plông (phần diện tích rừng tự nhiên)	UBND huyện Kon Plong	23.25	2021	1,573.93					1,573.93					1,573.93	1,573.93			
5	Dự án Khu đầu giá quyền sử dụng đất đường du lịch số 2 (Quốc lộ 24 đi tỉnh lộ 676) khu phía Đông trung tâm hành chính huyện Kon Plông	UBND huyện Kon Plong	3.78	2021	255.89					255.89					255.89	255.89			
6	Dự án Đường giao thông từ trung tâm huyện Sa Thầy đến Nhà máy thủy điện IaLy	UBND huyện Sa Thầy	0.59	2022	39.94						39.94				39.94	39.94			
	Toàn tỉnh		366.31		25,728.14	-	529.39	16,979.31	1,791.71	1,865.02	4,562.71	-	-	-	25,728.14	25,728.14	-	-	

**PHỤ LỤC 13: TỔNG HỢP KẾT QUẢ BẢO VỆ RỪNG NĂM 2017-2022 TỈNH KON TUM**

TT	Hạng mục	ĐVT	2017	2018	2019	2020	2021	2022	So sánh với cùng kỳ năm 2017 (tăng +, giảm -)	
									SL	%
<b>I</b>	<b>Số vụ vi phạm</b>	<b>Vụ</b>	<b>568</b>	<b>495</b>	<b>419</b>	<b>361</b>	<b>201</b>	<b>86</b>	<b>-482</b>	<b>-84.86</b>
<b>1</b>	Phá rừng trái pháp luật	Vụ	65	54	62	76	76	30	-35	-53.85
<b>a</b>	Phá rừng Đặc dụng	Vụ					3	5	5	
+	Rừng tự nhiên	Vụ					3	5	5	
+	Rừng trồng	Vụ								
<b>b</b>	Phá rừng Phòng hộ	Vụ	1	1	2	4	6	2	1	100.00
+	Rừng tự nhiên	Vụ	1	1	2	4	6	2	1	100.00
+	Rừng trồng	Vụ								
<b>c</b>	Phá rừng sản xuất	Vụ	64	53	60	72	67	23	-41	-64.06
+	Rừng tự nhiên	Vụ	64	52	59	70	61	22	-42	-65.63
+	Rừng trồng	Vụ		1	1	2	6	1	1	
<b>2</b>	Khai thác rừng trái pháp luật	Vụ	94	63	73	67	26	18	-76	-80.85
<b>3</b>	Quy định về PCCC rừng	Vụ				6	1			
<b>a</b>	Cháy rừng Đặc dụng	Vụ								
+	Rừng tự nhiên	Vụ								
+	Rừng trồng	Vụ								
<b>b</b>	Cháy rừng Phòng hộ	Vụ								
+	Rừng tự nhiên	Vụ								
+	Rừng trồng	Vụ								

TT	Hạng mục	ĐVT	2017	2018	2019	2020	2021	2022	So sánh với cùng kỳ năm 2017 (tăng +, giảm -)	
									SL	%
<b>c</b>	Cháy rừng sản xuất	Vụ								
+	Rừng tự nhiên	Vụ				2				
+	Rừng trồng	Vụ				4	1			
<b>4</b>	Quy định về sử dụng đất lâm nghiệp	Vụ								
-	Vi phạm các quy định về quản lý động, thực vật hoang dã (Cites)	Vụ								
<b>5</b>	Vận chuyển, buôn bán lâm sản trái phép	Vụ	395	350	279	199	96	35	-360	-91.14
<b>6</b>	Vi phạm về chế biến gỗ và lâm sản	Vụ								
<b>7</b>	Vi phạm khác	Vụ	14	28	5	13	2	3	-11	-78.57
<b>II</b>	<b>Số vụ đã xử lý</b>	<b>Vụ</b>	<b>574</b>	<b>470</b>	<b>425</b>	<b>374</b>	<b>216</b>	<b>98</b>	<b>-476</b>	<b>-82.93</b>
<b>1</b>	Xử lý hình sự	Vụ	8	24	31	27	16	17	9	112.50
+	Trong đó Số bị can	Người								
<b>2</b>	Xử phạt hành chính	Vụ	566	446	394	347	200	81	-485	-85.69
<b>III</b>	<b>Chống người thi hành công vụ</b>	<b>Vụ</b>	<b>1</b>						<b>-1</b>	<b>-100.00</b>
<b>IV</b>	<b>Bị thiệt hại</b>	<b>Ha</b>								
<b>1</b>	<b>Cháy rừng</b>	<b>Ha</b>								
<b>a</b>	Rừng Đặc dụng	Ha								
+	Rừng tự nhiên	Ha								
+	Rừng trồng	Ha								
<b>b</b>	Rừng Phòng hộ	Ha								
+	Rừng tự nhiên	Ha								
+	Rừng trồng	Ha								

TT	Hạng mục	ĐVT	2017	2018	2019	2020	2021	2022	So sánh với cùng kỳ năm 2017 (tăng +, giảm -)	
									SL	%
<b>c</b>	Rừng sản xuất	Ha				21.643	13.4			
+	Rừng tự nhiên	Ha				0.55				
+	Rừng trồng	Ha				21.093	13.4			
<b>2</b>	Phá rừng									
<b>a</b>	Rừng Đặc dụng	Vụ					3			
+	Rừng tự nhiên	Vụ					3			
+	Rừng trồng	Vụ								
<b>b</b>	Rừng Phòng hộ	Vụ	1	1		4	6		-1	-100.00
+	Rừng tự nhiên	Vụ	1	1		4	6		-1	-100.00
+	Rừng trồng	Vụ								
<b>c</b>	Rừng sản xuất	Vụ	64	53		72	67		-64	-100.00
+	Rừng tự nhiên	Vụ	64	52		70	61		-64	-100.00
+	Rừng trồng	Vụ		1		2	6			
<b>V</b>	<b>Thu nộp ngân sách</b>	<b>1000đ</b>	<b>22,226,508</b>	<b>6,352,685</b>	<b>4,427,782</b>	<b>4,144,950</b>	<b>3,573,172</b>	<b>1,944,000</b>	<b>-20,282,508</b>	<b>-91.25</b>
<b>VI</b>	<b>Lâm sản tịch thu</b>	<b>m3</b>								
<b>1</b>	Gỗ tròn	m3	283.969	310.554	463.443	177.727	76.333	78.799	-205	-72.25
+	Trong đó gỗ quý hiếm	m3	0.102							
<b>2</b>	Gỗ xẻ	m3	942.279	687.966	630.652	390.443	113.655	14.391	-928	-98.47
+	Trong đó gỗ quý hiếm	m3			0.182					
<b>VII</b>	<b>Động vật rừng bị tịch thu</b>									
<b>1</b>	Theo con	Con	1		19	63	3		-1	-100.00
<b>2</b>	Theo trọng lượng	Kg	13		24.8	45.8		22.5	10	73.08
+	Trong đó quý hiếm	Con								